TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2026/DS-ST
Ngày: 13/02/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Cao Văn Chuộng

2/ Ông Trần Văn Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Bích Trăm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXX-ST ngày 13 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V1.

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T- Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm, theo Văn bản ủy quyền số 16-2025-UQN-CTQT ngày 24/04/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền:

1.1/- Phan Thanh H, sinh năm 1997

Căn cước công dân: 089097016913, cấp ngày 22/11/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH.

Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (Có mặt tại phiên tòa)

1.2/- Nguyễn Diễn Đ, sinh năm 1993

Căn cước công dân: 094093005078, cấp ngày 04/12/2024; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH.

Cùng địa chỉ: Tầng C số C đường N, phường C, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

2/- Bị đơn: Phạm Thị Mỹ T1 – sinh năm 1993

Căn cước công dân số: 093193001805 cấp ngày 28/812022; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 5 năm 2025 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có anh Phan Thanh H trình bày: Chị Phạm Thị Mỹ T1 có vay vốn tại Ngân hàng TMCP V. Theo Giấy Đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 LN2301308210473 ngày 31/01/2023, chị Phạm Thị Mỹ T1 được cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử với hạn mức: 34.750.000 đồng. Mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống; lãi suất 39.48% năm. Thời điểm vi phạm từ ngày 07/06/2024. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là khách hàng không thanh toán nợ gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T1 đã không thanh toán cho Ngân hàng tổng dư nợ tạm tính đến hết ngày 13/02/2026 là 69.670.139 đồng (Trong đó nợ gốc: 33.803.636 đồng, nợ lãi 35.866.503 đồng). Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị Mỹ T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 tiền nợ tạm tính đến ngày 13/02/2026 là 69.670.139 đồng (Trong đó nợ gốc: 33.803.636 đồng, nợ lãi 35.866.503 đồng) Ngoài ra, kể từ ngày 14/02/2026 trở đi chị Phạm Thị Mỹ T1 còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo Giấy Đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 LN2301308210473 ngày 31/01/2023 đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP V1.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Phạm Thị Mỹ T1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 16/7/2015, Ngân hàng TMCP V1 có ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 LN2301308210473 ngày 31/01/2023 với chị Phạm Thị Mỹ T1. Theo hợp đồng chị T1 vay với hạn mức: 34.750.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T1 đã không thanh toán cho Ngân hàng tổng dư nợ tạm tính đến hết ngày 13/02/2026 là 69.670.139 đồng. Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc chị Phạm Thị Mỹ T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 tiền nợ tạm tính đến hết ngày 13/02/2026 là 69.670.139 đồng (Trong đó nợ gốc: 33.803.636 đồng, nợ lãi 35.866.503 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/02/2026 cho đến khi chị T1 trả hết nợ cho Ngân hàng. Đây là tranh chấp về quan hệ hợp đồng tín dụng được Bộ luật dân sự điều chỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do chị Phạm Thị Mỹ T1 là người bị kiện (bị đơn) có địa chỉ cư trú tại xã T, thành phố Cần Thơ nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chị Phạm Thị Mỹ T1 đã được Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật triệu tập chị T1 đến Tòa án để tiến hành thu thập chứng cứ nhưng chị T1 không có mặt theo thông báo của Tòa án và cũng không có cung cấp chứng cứ chứng minh sự vắng mặt của chị T1 là có lý do chính đáng. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng như niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị T1 vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Mỹ T1.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa Ngân hàng có ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 LN2301308210473 ngày 31/01/2023 với chị Phạm Thị Mỹ T1. Theo hợp đồng thì ngân hàng cho chị T1 vay hạn mức tín dụng là 34.750.000 đồng, hình thức

đảm bảo cho khoản vay là tín chấp. Xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 LN2301308210473 ngày 31/01/2023 được lập thành văn bản và ký kết trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, mức lãi suất không trái với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và được pháp luật bảo vệ. Như vậy, kể từ khi vay đến nay phía chị Phạm Thị Mỹ T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị Mỹ T1 phải trả số tiền vốn gốc và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 13/02/2026 là 69.670.139 đồng (Trong đó nợ gốc: 33.803.636 đồng, nợ lãi 35.866.503 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/02/2026 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 LN2301308210473 ngày 31/01/2023 cho đến khi chị T1 trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 "2. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận". Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên chị Phạm Thị Mỹ T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần tiền buộc phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng. Cụ thể phần tiền án phí chị T1 phải chịu là: 5% x 69.670.139 đồng = 3.483.506 đồng. Ngân hàng TMCP V1 được nhận tại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Điều Luật 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1.

1. Buộc chị Phạm Thị Mỹ T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền vốn gốc và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 13/02/2026 là 69.670.139 đồng (Trong đó nợ gốc: 33.803.636 đồng, nợ lãi 35.866.503 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/02/2026 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng

thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 LN2301308210473 ngày 31/01/2023 cho đến khi chị T1 trả hết nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Mỹ T1 phải chịu 3.483.506 đồng. Ngân hàng TMCP V1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 1.372.000 đồng theo biên lai số 0006665 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố C (Phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ.)

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua